

Bản án số: 02/2019/DS-PT

Ngày: 03 – 01 – 2019

V/v “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Thẩm phán:

Ông Lưu Hữu Giàu;

Ông Khưu Đề Dành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Văn Tà - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/DS-PT, ngày 12 tháng 11 năm 2018 về “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 280/2018/QĐXX-DSPT ngày 27 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 214/2018/QĐ-PT ngày 18 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1931 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1970 (theo Giấy ủy quyền ngày 24/4/2018) (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Số 425, tổ 18, khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG.

1.2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1929 (chết ngày 24/10/2017).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N:

- Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1967 (vắng mặt)

- Bà Trần Thị Ngọc T1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 111 đường Nguyễn Tri Phương, tổ 19, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã TC, tỉnh AG.

- Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1970 (có mặt)

- Trần Bửu T2, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 425, tổ 18, khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG.

- Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1973, địa chỉ cư trú: Đường Nguyễn Tri Phương, khóm Long Thạnh D, phường Long Thạnh, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà H, bà T1, ông T2, ông Lạc: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1970 (theo Giấy ủy quyền ngày 24/4/2018) (có mặt).

- Bà Trần Thị Ngọc L1, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: Tổ 18, khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG (vắng mặt).

- Trần Văn L2, sinh năm 1976, địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh AG, địa chỉ tạm trú: Số 05 đường số 09, khu phố 01, phường TĐ, Q 2, thành phố HCM (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn M – Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn M thuộc Đoàn Luật sư Tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lao Văn C, sinh năm 1968 (vắng mặt).

2.2. Bà Phạm Thị L3, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp LH 1, xã LH, huyện PT, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1960, địa chỉ: Số 199-X1 đường Nguyễn Địa Lô, khóm BK 3, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 04/10/2017) (vắng mặt).

3. *Người kháng cáo:* Bà Trần Ngọc T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị M và của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N.

4. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2015, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 16/01/2017, bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M (sau đây gọi tắt là ông N, bà M) và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Ngọc T sau đây gọi tắt là bà T) trình bày:

Ông N và bà M có quyền sử dụng diện tích 1.643,6m² đất ở tại địa chỉ: khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC cấp ngày 17/11/2005.

Năm 2010, ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 (sau đây gọi tắt là ông C, bà L3) xây dựng nhà lấn qua ranh giới chiếm 26,98m² đất của ông N, bà M.

Ông N, bà M yêu cầu ông C và bà L3 trả lại đất lấn chiếm là diện tích 26,98m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC cấp ngày 17/11/2005.

Ngày 24/10/2017, ông N chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông N.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông C, bà L3 trình bày:

Ông C và bà L3 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Khuyến và bà Thêm với diện tích 204,1m² đất ở tại địa chỉ: khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01161oC ngày 11/5/2009. Vào thời điểm ông C, bà L3 xây dựng nhà, ông N có xác nhận ranh giới, mốc giới; ông C, bà L3 xây dựng nhà trong phạm vi diện tích đất được cấp quyền sử dụng, không lấn qua ranh giới, không chiếm đất của ông N, bà M.

Nay ông C, bà L3 không đồng ý trả diện tích 26,98m² đất theo yêu cầu khởi kiện của ông N, bà M.

Ông C, bà L3 đồng ý trả giá trị diện tích 4,7m² đất bằng tiền với giá 1.600.000đ/m² (theo Biên bản thỏa thuận giá ngày 16/01/2017) = 7.840.000đ nhưng ông C, bà L3 tự nguyện trả 10.000.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M do bà Trần Ngọc T đại diện về việc yêu cầu bị đơn ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện phải có trách nhiệm trả lại diện tích đất lấn chiếm.

- Buộc ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện phải có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị M do bà Trần Ngọc T đại diện, diện tích lấn chiếm là 26,98m² đất ở nông thôn nhưng được tính giá trị bằng tiền theo giá thị trường là 2.000.000đ/m² x 26,98m² = 53.960.000đ.

+ Tại các điểm mĩa số: 1, 2, 9, 15, 1 (trong đó diện tích nhà là 10,14m² tại các điểm mĩa: 1, 15, 19, 1, diện tích đất trống là 16,84m² tại các điểm mĩa: 1, 2, 19, 1 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M), đất tọa lạc khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang (theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 07/6/2016 và ngày 19/3/2018).

+ Sau khi thanh toán đủ số tiền đất cho bà M do bà Trần Ngọc T đại diện. Ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 do bà Nguyễn Thị Kim P đại diện được tiếp tục sử dụng diện tích 26,98m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M.

+ Ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp, đổi, bổ sung diện tích 26,98m² nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09/8/2018, bà Trần Ngọc T vừa là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N, vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà M, vừa là người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà T1, ông T2, ông Lạc kháng cáo không đồng ý Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã TC buộc ông C và bà L3 trả bằng tiền; yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc ông C và bà L3 trả lại đất.

Ngày 06/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã TC theo hướng sửa bản án sơ thẩm: ông C và bà L3 được tiếp tục sử dụng diện tích đất 10,14m² tại các điểm mìa: 1, 15, 19, 1 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 07/6/2016 và ngày 19/3/2018; buộc ông C và bà L3 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M giá trị đất lấn chiếm 10,14m² x 2.000.000đ/m² = 20.280.000đ; ông C và bà L3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Bà T đại diện theo ủy quyền của bà M, bà H, bà T1, ông T2, ông Lạc trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà P đại diện theo ủy quyền của ông C và bà L3: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang trình bày: Giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Con của ông C, bà L3 đang sinh sống trong căn nhà của ông C, bà L3, nhưng Tòa án nhân dân thị xã TC không đưa con của ông C, bà L3 vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TC.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TC: ông C và bà L3 được tiếp tục sử dụng diện tích đất $10,14m^2$ tại các điểm mìa: 1, 15, 19, 1 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 07/6/2016 và ngày 19/3/2018; buộc ông C và bà L3 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M giá trị đất lấn chiếm $10,14m^2 \times 2.000.000đ/m^2 = 20.280.000đ$; ông C và bà L3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức đơn kháng cáo của bà T đúng quy định tại Điều 271; khoản 1, 3 và 6 Điều 272; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hình thức Quyết định kháng nghị số: 3546/2018/KNPT-DS ngày 06/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đúng theo quy định tại Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Các đương sự tranh chấp diện tích $26,98m^2$ đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông N và bà M. Vị trí đất tranh chấp theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018 thể hiện: căn nhà của ông C, bà L3 lấn qua diện tích $10,14m^2$ đất; phần sân nhà và lối đi lấn qua diện tích $16,84m^2$ thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông N và bà M.

Các đương sự thống nhất Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018 làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Ý kiến của bà T tại phiên tòa phúc thẩm: thực tế, ông N, bà M không biết mốc ranh giới đất, chỉ biết việc lấn đất khi đo đạc lại phần đất phía sau và lúc đó, ông C, bà L3 đã sử dụng căn nhà được vài năm.

Như vậy, việc không xác định được mốc giới, ranh giới đất là việc thường xảy ra đối với người dân sử dụng đất liền kề. Do đó, việc ông C, bà L3 sử dụng đất lấn qua diện tích $26,98m^2$ đất thuộc quyền sử dụng của ông N, bà M tuy vi phạm các định tại Điều 174, Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 12 của Luật Đất đai năm 2013 nhưng do nhầm lẫn, không do ý chí chủ quan của ông C, bà L3.

Tại thời điểm ông C, bà L3 xây dựng nhà, ông N, bà M không phản đối, đến nay căn nhà của ông C, bà L3 đã sử dụng ổn định nhiều năm và nhà được xây dựng kiên cố, nếu di dời phần căn nhà lán, chiếm diện tích 10,14m² đất sẽ gây thiệt hại đến toàn bộ kết cấu căn nhà. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã TC buộc ông C, bà L3 trả giá trị đất bằng tiền cho ông N, bà M theo giá thị trường 2.000.000đ/m² là phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T về yêu cầu ông C, bà L3 trả lại diện tích 10,14m² đất.

[5]. Tuy người đại diện hợp pháp của ông C, bà L3 không thừa nhận ông C, bà L3 có lấn qua diện tích 16,84m² đất của ông N, bà M, nhưng theo những hình ảnh chụp lại hiện trạng căn nhà của ông C, bà L3 (do ông C, bà L3 cung cấp cho Tòa án) và theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018 thể hiện phần sân nhà của ông C, bà L3 và phần lối đi ông C, bà L3 đang sử dụng lấn qua diện tích là 16,84m² đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông N và bà M.

Xét thấy, sân nhà của ông C, bà L3 và lối đi ông C, bà L3 đang sử dụng còn nhiều đất trống; hơn nữa, ông C, bà L3 có ý kiến là không có nhu cầu sử dụng diện tích 16,84m² đất thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông N và bà M, nhưng Tòa án nhân dân thị xã TC buộc ông C, bà L3 trả lại cho ông N, bà M giá trị đất bằng tiền đối với diện tích 16,84m² đất là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 166 và Điều 185 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang là có căn cứ; yêu cầu kháng cáo của bà T về yêu cầu ông C, bà L3 trả lại diện tích 16,84m² đất là có cơ sở.

[6]. Xét, ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn: ông C, bà L3 là chủ sử dụng đất và chủ sở hữu nhà; ông C, bà L3 đồng ý trả tiền cho phần đất lấn qua 10,14m², phần đất trống diện tích 16,84m² không có nhu cầu sử dụng; đồng thời, nguyên đơn không yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Do đó, ý kiến đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có cơ sở.

[7]. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã TC: buộc ông C và bà L3 trả lại cho bà M và các thừa kế của ông N diện tích 16,84m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông N và bà M, vị trí đất thể hiện theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018, buộc ông C và bà L3 trả lại cho bà M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N giá trị diện tích 10,14m² đất bằng số tiền là 20.280.000đ (10,14m² x 2.000.000đ/m²).

[8]. Tòa án nhân dân thị xã TC cần rút kinh nghiệm:

Bà P là người được ông C, bà L3 ủy quyền để tham gia tố tụng, được trình bày ý kiến và quyết định các vấn đề liên quan đến vụ án. Do đó, ông C, bà L3 là người có quyền, nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn, nhưng Tòa án nhân dân thị

xã TC tuyên xử buộc ông C, bà L3 do bà P đại diện được quyền sử dụng đất và có trách nhiệm thực hiện trả tiền cho nguyên đơn là không đúng.

Tuy ông N là người nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông N đã chết trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nên đã phát sinh người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Tòa án nhân dân thị xã TC tuyên xử hoàn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông N là không phù hợp. Lẽ ra, nên tuyên xử hoàn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N.

Tòa án nhân dân thị xã TC ghi người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng nhưng thiếu nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và ghi dưới mục “*bị đơn*” là không đúng về thể thức viết bản án. Lẽ ra, phải ghi “*người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N*” tại mục “*nguyên đơn*”.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N, đồng thời là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị M, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang.

3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 87/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh An Giang.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N, gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc L1, ông Trần Văn L2.

- Buộc ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N, gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần

Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc L1, ông Trần Văn L2 giá trị diện tích 10,14m² đất bằng số tiền là 20.280.000đ (Hai mươi triệu hai trăm tám chục ngàn đồng).

- Buộc ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N, gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc L1, ông Trần Văn L2 diện tích 16,84m² đất tại địa chỉ: khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M. Vị trí diện tích 16,84m² đất tại các điểm: 1, 2, 19, 1 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018.

- Buộc bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N, gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc L1, ông Trần Văn L2; ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 cùng có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng diện tích 10,14m² đất tại địa chỉ: khóm LH2, phường LS, thị xã TC, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0297oC do Ủy ban nhân dân huyện PT cấp ngày 17/11/2005 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị M. Vị trí diện tích 10,14m² đất tại các điểm: 1, 15, 19, 1 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018.

(có kèm Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh TC lập ngày 19/3/2018).

- Về chi phí tố tụng:

+ Buộc ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 phải hoàn trả chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá với số tiền là 2.883.000đ cho bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc L1, ông Trần Văn L2.

+ Ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ (lần 2) với số tiền là 3.816.000đ (ông C và bà L3 đã nộp đủ).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Lao Văn C và bà Phạm Thị L3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.314.000đ.

+ Bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Ngọc L1, ông Trần Văn L2 được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ theo Biên lai thu số 0009671 ngày 08/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC và

300.000đ theo Biên lai thu số 0012348 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N gồm: bà Trần Ngọc T, ông Trần Bửu T2, bà Trần Thị Ngọc H, bà Trần Thị Ngọc T1, ông Trần Ngọc L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0009478 ngày 23/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC (do bà Trần Ngọc T đại diện nhận).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Ngọc Phi